

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: **07/6/2019**

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Bùi Văn Màu**

2. Ông **Nguyễn Văn Tám**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Luân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Trong ngày **07** tháng **6** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **220/2019/TLST-HNGĐ** ngày **03/4/2019** về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **97/2019/QĐXXST-HNGĐ** ngày **30/5/2019** giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Trịnh Thị B**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị B, anh C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày **25/3/2019** các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Trịnh Thị B** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước chị **B** và anh **C** xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C theo giấy đăng ký kết hôn số **70** ngày **06/9/2000**. Sau khi cưới vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến tháng 6/2018 phát sinh mâu thuẫn do anh C thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng đánh đập chị vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên chị B yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1995 và Nguyễn Hoàng Trung K, sinh ngày 22/02/2005. Hiện cháu N đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, còn cháu K khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị cũng yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn có đăng ký kết hôn như chị B trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống vợ chồng có cãi vã qua lại nhưng không đến mức nghiêm trọng, do anh còn tình cảm với chị B nên anh không đồng ý ly hôn mong vợ chồng hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1995 và Nguyễn Hoàng Trung K, sinh ngày 22/02/2005. Hiện cháu N đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, còn cháu K khi ly hôn anh cũng đồng ý giao cho chị B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước chị B và anh C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C theo giấy đăng ký kết hôn số 70 ngày 06/9/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị B trình bày sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2018 phát sinh mâu thuẫn do anh C thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng đánh đập chị, nên chị B yêu cầu ly hôn với anh C. Còn anh C thì không đồng ý ly hôn.

Xét, chị B và anh C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1995, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2018 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh C thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng đánh đập chị. Tại phiên tòa anh C cũng thừa nhận trong thời gian chung sống anh đi nhậu về thì vợ chồng cãi vã qua lại. Đồng thời, theo xác nhận của Ban lãnh đạo ấp Mỹ Phúc,

xã T ngày 06/5/2019 cũng xác định trong thời gian chị B và anh C sinh sống tại địa phương thì anh C nhậu nhẹt say sưa về chửi mắng vợ và gia đình Bn vợ, chị B có báo với ban lãnh đạo ấp đến để giải quyết. Tại phiên toà anh C cho rằng anh còn thương vợ không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian chung sống thì anh thường hay nhậu nhẹt về chửi mắng đánh đập chị B và từ thời gian vợ chồng sống ly thân cho đến nay anh C cũng không đến chỗ chị B ở để nâng niu và rước chị B về, tại phiên toà anh C không đưa ra được một giải pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Mặc dù, Tòa án đã động viên, hòa giải nhưng chị B vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh C. Từ những tình tiết này, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1995 và Nguyễn Hoàng Trung K, sinh năm 2005. Hiện cháu N đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, còn cháu Kiên, chị B và anh C thoả thuận giao cho chị B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng. Xét, sự thoả thuận giữa chị B và anh C về việc nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản và nợ chung: Tự thoả thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị B, căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh C chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận giữa chị Trịnh Thị B và anh Nguyễn Văn C giao con chung tên Nguyễn Hoàng Trung K, sinh ngày 22/02/2005 cho chị B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng) thời gian thực hiện tính từ ngày 07/6/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi lao động được. Anh C được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh C chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10058 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị B đã nộp xong tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị B, anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Hồ Văn Khoẻ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày **08** tháng **4** năm **2019**

Tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khoẻ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Văn C**

2. Ông **Trần Thanh Tùng**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 97/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” giữa:

* Nguyên đơn: Ông **Trần Phi Danh**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp 1, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Bà **Ngô Thị Các**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp 1, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%).

2. Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thành Luân được ly hôn với chị Phạm Thị Thảo.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận giữa anh Luân và chị Thảo giao con chung tên Nguyễn Ngọc Trúc Lam, sinh ngày 02/01/2017 cho chị Phạm Thị Thảo tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thành Luân tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi, lao động được. Anh Nhựt được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày chị Thảo có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nếu anh Luân chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thành Luân phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09629 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên anh Luân còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thành Luân, chị Phạm Thị Thảo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%).

3. Về các vấn đề khác:

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày **07** tháng **6** năm **2019**.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Hồ Văn Khoẻ

-

